|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** **TỈNH AN GIANG**Số: /2024/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** *An Giang, ngày tháng năm 2024* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ……**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh An Giang; ý kiến của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng trong phạm vi một đơn vị hành chính cấp huyện.

b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền).

c) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, về công tác dân tộc; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai, công tác dân tộc.

**Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ chính sách**

1. Cá nhân được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải sinh sống và thường trú tại địa phương nơi có đất được giao, được chuyển mục đích sử dụng đất, được thuê đất.

2. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng và giao đất, cho thuê đất được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của địa phương và quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đất theo quy định pháp luật.

**Điều 3. Chính sách hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số**

Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí khu đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tích tối thiểu 300 m2/khu.

**Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu cho cá nhân là người dân tộc thiểu số**

Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa từng được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai thì được hỗ trợ đất đai lần đầu như sau:

1. Trường hợp không có đất ở thì được Nhà nước giao đất ở trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định theo chương trình, đề án, dự án, phương án hỗ trợ đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được miễn tiền sử dụng đất.

2. Trường hợp có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp sang đất ở thì được miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Trường hợp không có đất nông nghiệp thì được giao đất nông nghiệp trong hạn mức theo chương trình, đề án, dự án, phương án hỗ trợ đất sản xuất, đất nông nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và không thu tiền sử dụng đất.

4. Trường hợp được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh theo chương trình, đề án, dự án, phương án hỗ trợ đất để sản xuất, kinh doanh cho đồng bào dân tộc thiểu số được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được giảm 50% tiền thuê đất.

**Điều 5. Chính sách hỗ trợ đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số**

Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu nhưng nay không còn hoặc thiếu đất so với hạn mức thì được hỗ trợ đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống như sau:

1. Trường hợp không còn đất ở thì được Nhà nước giao tiếp đất ở trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định theo chương trình, đề án, dự án, phương án hỗ trợ đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được miễn tiền sử dụng đất.

2. Trường hợp có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp sang đất ở thì được miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Trường hợp không còn hoặc thiếu đất nông nghiệp so với hạn mức giao đất nông nghiệp thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức theo chương trình, đề án, dự án, phương án hỗ trợ đất sản xuất, đất nông nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và không thu tiền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh theo chương trình, đề án, dự án, phương án hỗ trợ đất để sản xuất, kinh doanh cho đồng bào dân tộc thiểu số được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được giảm 50% tiền thuê đất.

**Điều 6. Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện chính sách**

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

2. Quỹ đất để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này bao gồm quỹ đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích công ích; đất chưa sử dụng đang được địa phương quản lý; đất thu hồi; đất chưa giao, chưa cho thuê tại địa phương và các quỹ đất hợp pháp khác do các địa phương đang quản lý.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X, Kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng … năm 2024 và có hiệu lực từ ngày … tháng …. năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ Tư pháp;- Bí thư Tỉnh ủy;- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;- Báo An Giang, Đài PT-TH AG;- Website tỉnh, Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND. | **CHỦ TỊCH****Lê Văn Nưng** |